BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

6 tháng đầu năm 2026: Nhật Bản là đối tác xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại.

Hà Nội, tháng 7/2026

6 tháng đầu năm 2026: Nhật Bản là đối tác xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026, với kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng ổn định và Việt Nam tiếp tục duy trì xuất siêu. Bên cạnh việc giữ vai trò là một trong những đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam, Nhật Bản cũng đang mở ra nhiều cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và phát triển chuỗi cung ứng.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản trong tháng 6/2026 đạt 5,04 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 2,72 tỷ USD, nhập khẩu đạt 2,32 tỷ USD, giúp Việt Nam xuất siêu 394 triệu USD. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 28,4 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 14,78 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 13,62 tỷ USD, đưa xuất siêu của Việt Nam với thị trường Nhật Bản lên 1,16 tỷ USD.

Hiện Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam, sau Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc. 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 15,36% so với cùng kỳ năm trước, đạt 14,78 tỷ USD, chiếm 5,54% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Mặc dù tỷ trọng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2025, Nhật Bản vẫn là thị trường tiêu thụ ổn định đối với nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam.

Dệt may tiếp tục là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất sang Nhật Bản với kim ngạch gần 1,98 tỷ USD, chiếm 13,39% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này; Tiếp theo là nhóm phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,67 tỷ USD và nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 1,53 tỷ USD. Đáng chú ý, các mặt hàng công nghệ cao ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt trội khi nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 63,72%, trong khi điện thoại và linh kiện tăng 53,26% so với cùng kỳ năm trước. Xu hướng này cho thấy cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đang chuyển dịch theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Việt Nam hiện là nhà cung ứng hàng hóa lớn thứ sáu của Nhật Bản. Trong 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào thị trường này đạt 13,36 tỷ USD, tăng 10,64% so với cùng kỳ năm trước và nâng thị phần hàng hóa Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản từ 3,93% lên 4,25%.

Ở chiều ngược lại, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam với kim ngạch 13,62 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 17,49% so với cùng kỳ năm 2025. Mặt hàng nhập khẩu lớn nhất từ Nhật Bản là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, đạt 5,06 tỷ USD, chiếm hơn 37% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản. Bên cạnh đó, nhóm máy móc, thiết bị và phụ tùng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu và thiết bị phục vụ sản xuất trong nước.

NỘI DUNG BÀI VIẾT:

- Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026, khẳng định vai trò của Nhật Bản là một trong những đối tác kinh tế, thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 2,72 tỷ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản đạt 2,32 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch thương mại song phương đạt khoảng 5,04 tỷ USD. Việt Nam tiếp tục xuất siêu 394 triệu USD sang thị trường Nhật Bản, cho thấy cán cân thương mại tiếp tục nghiêng về phía Việt Nam.

Biểu đồ 1: Tình hình thương mại giữa Việt Nam - Nhật Bản trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026.

Đơn vị tính: Triệu USD

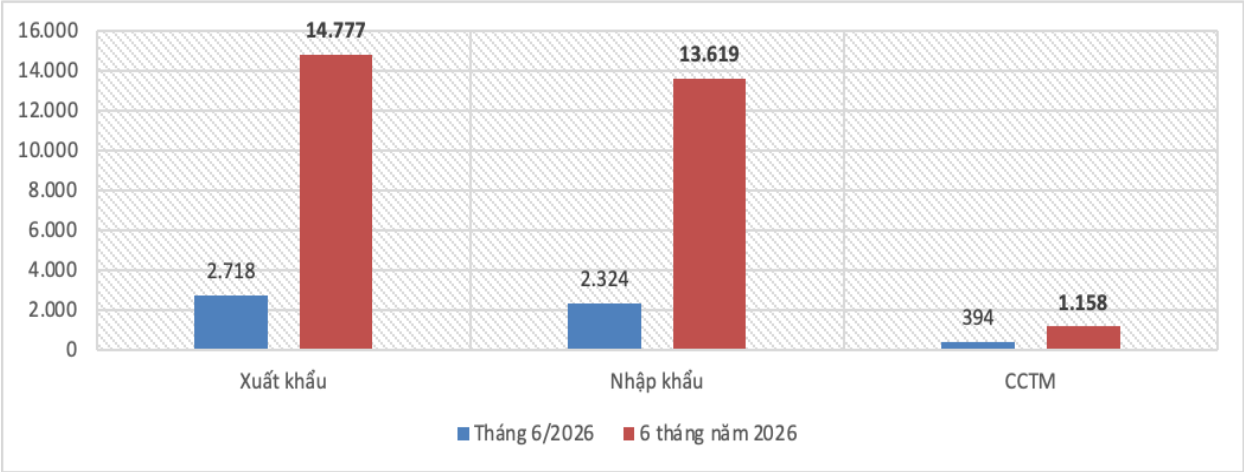

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam - Nhật Bản đạt 28,4 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 14,78 tỷ USD và nhập khẩu đạt 13,62 tỷ USD. Việt Nam duy trì xuất siêu 1,16 tỷ USD, cao gấp gần ba lần so với mức xuất siêu của riêng tháng 6/2026, cho thấy hoạt động thương mại song phương không chỉ tăng về quy mô mà còn tiếp tục mang lại lợi thế cho Việt Nam. Cơ cấu thương mại giữa hai nước mang tính bổ trợ

khi Việt Nam xuất khẩu chủ yếu các mặt hàng dệt may, máy móc, điện tử, phương tiện vận tải, nông, lâm, thủy sản, đồng thời nhập khẩu từ Nhật Bản các sản phẩm công nghệ cao, máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước, nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu và tăng cường sự gắn kết trong chuỗi cung ứng khu vực.

Bảng 1: Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

	Tháng 6/2026 (Triệu USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)
Thặng dư thương mại của Việt Nam với Nhật Bản	394	55,43	20,79	1.158	-4,98

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

- Về xuất khẩu

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 50,79 tỷ USD, tăng 8,22% so với tháng trước và tăng 28,09% so với cùng kỳ năm 2025. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất với 16,94 tỷ USD, tiếp theo là Trung Quốc (7,81 tỷ USD), Nhật Bản (2,72 tỷ USD) và Hàn Quốc (2,69 tỷ USD).

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt 266,51 tỷ USD, tăng 21,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Mỹ vẫn dẫn đầu với 86,48 tỷ USD, chiếm 32,45% tổng kim ngạch xuất khẩu; Trung Quốc đứng thứ hai với 37,91 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 14,22%), Hàn Quốc đứng thứ ba với 15,86 tỷ USD (chiếm 5,95% tỷ trọng) và Nhật Bản đứng thứ tư với 14,78 tỷ USD, chiếm 5,54% tổng kim ngạch xuất khẩu.

So với các đối thủ cạnh tranh, Nhật Bản vẫn duy trì vị thế là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, xếp sau Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc. Đáng chú ý, tỷ trọng xuất khẩu sang Nhật Bản giảm nhẹ từ 5,82% của 6 tháng đầu năm 2025 xuống còn 5,54% trong 6 tháng đầu năm 2026, trong khi

Trung Quốc gia tăng thị phần từ 13,22% lên 14,22%. Kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản vẫn tăng 15,36% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy đây vẫn là thị trường xuất khẩu ổn định và có vai trò quan trọng đối với hàng hóa Việt Nam.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam ra thế giới và vị thế của Nhật Bản trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất

Thị trường	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	50.787.247	8,22	28,09	266.513.503	21,04	100	100
Mỹ	16.936.384	9,05	23,08	86.476.896	21,98	32,45	32,20
Trung Quốc	7.814.363	10,2	38,78	37.907.564	30,21	14,22	13,22
Hàn Quốc	2.686.576	10,97	16,63	15.862.169	15,05	5,95	6,26
Nhật Bản	**2.718.208**	**7,29**	**21,11**	**14.777.302**	**15,36**	**5,54**	**5,82**
Hồng Kông	2.283.394	24,1	42,63	10.899.537	42,35	4,09	3,48
Hà Lan	1.437.870	9,93	35,88	7.837.841	25,29	2,94	2,84
Ấn Độ	1.010.570	-1,07	12,58	5.956.247	18,15	2,23	2,29
Đức	982.432	-9,58	46,49	5.700.812	20,03	2,14	2,16
Thái Lan	930.060	-4,15	24,67	5.635.620	35,11	2,11	1,89
Anh	864.255	4,97	32,94	4.508.052	16,34	1,69	1,76

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản, hàng dệt may tiếp tục là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất. Riêng tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 359,1 triệu USD, tăng 17,96% so với tháng trước, nhưng giảm 6,53% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản trong tháng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu hàng dệt may đạt gần 1,98 tỷ USD, chiếm 13,39% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Tuy vẫn giữ vị trí dẫn đầu, nhưng kim ngạch giảm 6,25% so với cùng kỳ năm 2025 và tỷ trọng cũng thu hẹp từ 16,48% xuống còn 13,39%.

Đứng thứ hai là nhóm phương tiện vận tải và phụ tùng với kim ngạch đạt 1,67 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 5,17% so với cùng kỳ năm trước và

chiếm 11,30% tổng kim ngạch xuất khẩu. Mặc dù duy trì quy mô lớn, tỷ trọng của nhóm hàng này giảm từ 12,40% xuống còn 11,30%, cho thấy tốc độ tăng trưởng vẫn thấp hơn mức tăng chung của xuất khẩu sang Nhật Bản. Đứng thứ ba là nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với kim ngạch đạt 1,53 tỷ USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 10,37% tổng kim ngạch, cao hơn mức 10,16% của cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh 3 nhóm hàng chủ lực, một số mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng rất ấn tượng. Nổi bật là xuất khẩu nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,22 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm, tăng tới 63,72% so với cùng kỳ năm 2025, đồng thời tỷ trọng tăng mạnh từ 5,84% lên 8,29%; Xuất khẩu nhóm điện thoại các loại và linh kiện cũng tăng 53,26%, nâng tỷ trọng từ 6,69% lên 8,89%. Ngược lại, xuất khẩu một số nhóm hàng truyền thống tới Nhật Bản như gỗ và sản phẩm gỗ chỉ tăng 5,56% nhưng tỷ trọng giảm từ 7,94% xuống 7,26%, trong khi hàng thủy sản chỉ tăng 2,38% và tỷ trọng giảm từ 6,11% xuống còn 5,42%...

Bảng 3: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Nhật Bản trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	2.718.208	7,29	21,11	14.777.302	15,36	100	100
Hàng dệt, may	359.122	17,96	-6,53	1.978.922	-6,25	13,39	16,48
Phương tiện vận tải và phụ tùng	302.363	3,94	14,06	1.670.313	5,17	11,30	12,40
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	277.717	1,78	25,78	1.532.581	17,8	10,37	10,16
Điện thoại các loại và linh kiện	190.238	-9,74	19,73	1.313.548	53,26	8,89	6,69
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	253.762	11,82	79,87	1.224.644	63,72	8,29	5,84
Gỗ và sản phẩm gỗ	168.862	-1,77	8,21	1.073.406	5,56	7,26	7,94
Hàng hóa khác	197.177	11,95	41,08	1.026.946	26,9	6,95	6,32
Hàng thủy sản	163.380	18,68	9,18	800.760	2,38	5,42	6,11
Giày dép các loại	102.248	8,71	-4,93	561.214	-5,99	3,80	4,66
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	57.247	-16,46	14,2	491.290	91,81	3,32	2,00

Mặt hàng	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Sản phẩm từ chất dẻo	79.048	12,2	36,48	401.143	9	2,71	2,87
Hóa chất	100.083	56,67	201,7	388.768	133,05	2,63	1,30
Cà phê	64.678	3,78	10,01	345.449	-8,95	2,34	2,96
Sản phẩm từ sắt thép	53.955	6,04	4,03	293.268	-4,4	1,98	2,39
Dây điện và dây cáp điện	41.804	2,02	26,88	220.109	22,47	1,49	1,40
Chất dẻo nguyên liệu	45.686	-34,91	149,62	212.294	115,85	1,44	0,77
Túi xách, ví,vali, mũ và ô dù	39.247	32,94	1,65	200.863	-4,1	1,36	1,64
Hàng rau quả	26.321	23,04	6,2	126.490	3,82	0,86	0,95
Sản phẩm từ cao su	17.008	-2,18	27,26	90.356	5,99	0,61	0,67
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	12.459	1,99	41,23	79.844	26,29	0,54	0,49
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	14.315	15,7	33,47	74.382	15,27	0,50	0,50
Sản phẩm hóa chất	12.307	5,41	12,69	70.315	10,69	0,48	0,50
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	13.141	2,51	22,49	68.927	1,95	0,47	0,53
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	10.821	6,37	64,16	66.516	68,62	0,45	0,31
Sắt thép các loại	10.326	-1,88	88,23	48.831	54,99	0,33	0,25
Xơ, sợi dệt các loại	9.993	-0,9	10,59	48.578	-6,3	0,33	0,40
Sản phẩm gốm, sứ	8.226	3,91	9,62	43.814	-0,1	0,30	0,34
Hạt điều	6.260	-11,49	-33,04	42.177	-0,27	0,29	0,33
Than các loại	4.019	-71,98	3,44	39.093	126,63	0,26	0,13
Giấy và các sản phẩm từ giấy	7.039	19,23	29,71	38.906	7,77	0,26	0,28

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 5/2026, Nhật Bản đã nhập khẩu hàng hóa từ thế giới đạt 62,54 tỷ USD, giảm 2,67% so với tháng trước, nhưng tăng 3,07% so với cùng tháng năm trước. Luỹ kế 5 tháng đầu năm, Nhật Bản đã nhập khẩu 319,47 tỷ USD, tăng 2,42% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Trung Quốc là quốc gia cung ứng hàng hoá lớn nhất cho thị trường Nhật Bản. Chỉ tính riêng trong tháng 5/2026, Nhật Bản đã nhập khẩu từ Trung Quốc 14,86 tỷ USD, giảm 8,92% so với tháng trước, nhưng tăng 4,01% so với cùng tháng năm trước. Luỹ kế 5 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản nhập khẩu từ

Trung Quốc 77,58 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 24,29% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Nhật Bản, cải thiện hơn so với mức tỷ trọng 23,16% của cùng kỳ năm trước.

Ngoài Trung Quốc, Nhật Bản cũng nhập khẩu hàng hoá lớn từ Mỹ với trị giá nhập khẩu 5 tháng đầu năm đạt 38,7 tỷ USD, tăng 10,12% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 12,12% trong tổng kim ngạch nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2026, cải thiện từ mức 11,27% của cùng kỳ năm 2025.

Tại thị trường Nhật Bản, Việt Nam là nhà cung ứng hàng hoá lớn thứ 6 trong 5 tháng đầu năm 2026. Tính riêng tháng 5/2026, Nhật Bản đã nhập khẩu từ Việt Nam 2,61 tỷ USD, giảm 6,59% so với tháng trước, nhưng tăng 15,15% so với cùng tháng năm trước. Luỹ kế 5 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản nhập khẩu từ Việt Nam 13,357 tỷ USD, tăng 10,64% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 4,25% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng hơn so với mức 3,93% của cùng kỳ năm 2025.

Biểu đồ 2: Các nguồn cung ứng hàng hoá lớn cho thị trường Nhật Bản trong 5 tháng đầu năm 2026

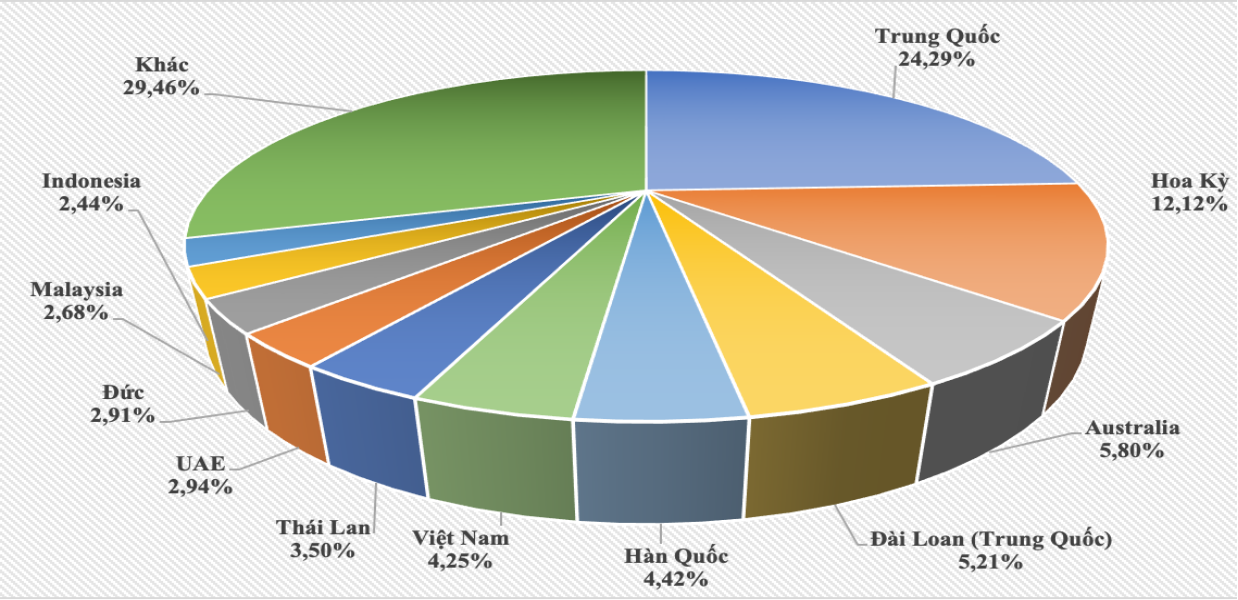

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

- **Về nhập khẩu**

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 53,43 tỷ USD, tăng 2,48% so với

tháng trước và tăng mạnh 45,19% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 283,17 tỷ USD, tăng 33,43% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Việt Nam với kim ngạch đạt 115,18 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 35,96% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tới 40,68% tổng kim ngạch nhập khẩu, cao hơn mức 39,92% của cùng kỳ năm trước, qua đó củng cố vị trí là đối tác nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam. Đứng thứ hai là nhập khẩu từ Hàn Quốc với kim ngạch 42,32 tỷ USD, tăng 48,97% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 14,94% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Đối với Nhật Bản, trong tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 2,32 tỷ USD, tăng 1,95% so với tháng trước và tăng 21,16% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu từ Nhật Bản đạt 13,62 tỷ USD, tăng 17,49% so với cùng kỳ năm trước, đưa Nhật Bản trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam, sau Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc). Tuy nhiên, tỷ trọng nhập khẩu từ Nhật Bản giảm từ 5,46% xuống còn 4,81%, mặc dù kim ngạch vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực nhưng tốc độ tăng thấp hơn mức tăng chung của tổng kim ngạch nhập khẩu, đồng thời thấp hơn nhiều so với các đối tác cạnh tranh như Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc).

Bảng 4: Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thế giới và vị thế của Nhật Bản trong nhóm 10 thị trường nhập khẩu lớn nhất

Thị trường	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	53.431.722	2,48	45,19	283.169.411	33,43	100	100
Trung Quốc	22.556.342	2,31	46,19	115.183.814	35,96	40,68	39,92
Hàn Quốc	8.022.582	1,04	70,96	42.319.480	48,97	14,94	13,39
Đài Loan	4.267.081	0,8	65,22	22.602.120	52,87	7,98	6,97
Nhật Bản	**2.324.467**	**1,95**	**21,16**	**13.619.112**	**17,49**	**4,81**	**5,46**
Mỹ	2.078.508	-2,35	29,06	11.248.728	26,7	3,97	4,18

Thị trường	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Thái Lan	1.460.898	7,29	36,04	7.714.804	22,02	2,72	2,98
Malaysia	1.300.937	8,71	24,14	7.403.133	42,26	2,61	2,45
Indonesia	1.162.089	-4,98	27,31	6.457.701	12,35	2,28	2,71
Singapore	910.031	22,15	56,26	4.785.436	56,12	1,69	1,44
Australia	818.258	12,6	40,26	4.328.448	19,14	1,53	1,71

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu từ Nhật Bản, nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Riêng trong tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt 795,47 triệu USD, giảm 11,52% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 36,01% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 5,06 tỷ USD, tăng 36,99% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tới 37,13% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản, cao hơn đáng kể mức 31,84% của cùng kỳ năm 2025.

Đứng thứ hai là nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với kim ngạch đạt 2,58 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 18,92% tổng kim ngạch nhập khẩu. Mặc dù vẫn giữ vị trí quan trọng, tỷ trọng của nhóm hàng này giảm từ 21,03% của 6 tháng đầu năm 2025 xuống còn 18,92% trong 6 tháng đầu năm nay.

Bên cạnh các nhóm hàng chủ lực, một số mặt hàng ghi nhận biến động đáng chú ý trong 6 tháng đầu năm. Nổi bật nhất là nhóm kim loại thường với mức tăng trưởng nhập khẩu lên tới 50%, trong khi nhóm hóa chất cũng tăng mạnh 41,62%, cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất tiếp tục mở rộng. Ngược lại, nhóm sắt thép các loại giảm 14,94%, phế liệu sắt thép giảm 6,81% và chất dẻo nguyên liệu giảm 3,22% so với cùng kỳ năm 2025, phần nào cho thấy xu hướng thu hẹp nhập khẩu ở một số nhóm nguyên liệu cơ bản.

Bảng 5: Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Nhật Bản trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	2.324.467	1,95	21,16	13.619.112	17,49	100	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	795.467	-11,52	36,01	5.056.244	36,99	37,13	31,84
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	461.484	5,45	18,46	2.577.100	5,7	18,92	21,03
Hàng hóa khác	132.366	9,44	32,14	725.846	22,26	5,33	5,12
Sắt thép các loại	121.193	17,17	0,96	658.328	-14,94	4,83	6,68
Phế liệu sắt thép	103.166	38,26	18,08	528.611	-6,81	3,88	4,89
Sản phẩm từ chất dẻo	88.103	14,69	6,65	475.457	9,25	3,49	3,75
Vải các loại	68.207	19,54	4,27	358.989	0,39	2,64	3,08
Linh kiện, phụ tùng ô tô	45.074	0,87	-25,8	350.871	11,51	2,58	2,71
Hóa chất	51.579	-10,58	35,23	345.669	41,62	2,54	2,11
Sản phẩm hóa chất	65.540	12,84	25,39	343.192	9,48	2,52	2,70
Kim loại thường khác	59.475	0,33	61,22	329.807	50	2,42	1,90
Chất dẻo nguyên liệu	53.575	17,52	4,91	275.295	-3,22	2,02	2,45
Sản phẩm từ sắt thép	39.355	8,24	-9,51	229.872	8,65	1,69	1,83
Hàng thủy sản	30.300	19,16	20,95	170.043	38,65	1,25	1,06
Ô tô nguyên chiếc các loại	25.045	17,91	22,99	136.247	17,51	1,00	1,00
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	23.559	0,3	-3,88	131.708	-5,81	0,97	1,21
Giấy các loại	22.686	11,49	27,28	121.949	6,5	0,90	0,99
Dây điện và dây cáp điện	18.813	24,72	28,01	102.788	36,08	0,75	0,65
Cao su	17.765	9,27	20,48	90.957	1,88	0,67	0,77
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	2.702	1,08	-20,27	70.785	345,8	0,52	0,14
Sản phẩm từ kim loại thường khác	12.648	14,5	14,98	68.691	20,71	0,50	0,49
Sản phẩm từ cao su	11.627	10,39	-0,97	67.659	2,74	0,50	0,57
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6.605	20,48	15,56	54.928	90,43	0,40	0,25
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	7.131	27,98	105,61	44.471	36,53	0,33	0,28
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	7.350	34,71	38,87	38.083	33,72	0,28	0,25

Mặt hàng	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Chế phẩm thực phẩm khác	6.049	-19,63	17,77	37.191	19,81	0,27	0,27
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8.100	25,74	28,22	37.164	-7,07	0,27	0,34
Dược phẩm	11.508	59,58	98,24	34.913	21,34	0,26	0,25
Xơ, sợi dệt các loại	6.039	-0,25	56,99	30.717	3,91	0,23	0,26
Sản phẩm từ giấy	4.293	6,84	-4,5	24.506	3,18	0,18	0,20

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Thông tin về định hướng thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

Định hướng thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong thời gian tới được đánh giá còn rất nhiều dư địa phát triển, khi hai nước đang sở hữu nền tảng hợp tác kinh tế ngày càng bền chặt và có tính bổ trợ cao. Nhật Bản hiện là một trong những đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam với hơn 5.700 dự án đầu tư còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký trên 79 tỷ USD, đồng thời luôn nằm trong nhóm các đối tác thương mại và đầu tư lớn nhất của Việt Nam. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2026, đã có 138 dự án FDI của Nhật Bản được cấp phép vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký đạt 1,2 tỷ USD, đưa Nhật Bản trở thành thị trường đầu tư lớn thứ 3 của Việt Nam trong 6 tháng qua, sau Hàn Quốc và Singapore. Năm 2025, kim ngạch thương mại song phương đã vượt mốc 50 tỷ USD, cho thấy sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa hai nền kinh tế cũng như hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương và các hiệp định thương mại tự do mà hai nước cùng tham gia. Đây là nền tảng quan trọng để Việt Nam và Nhật Bản tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác trong giai đoạn tới, không chỉ về thương mại mà còn trong đầu tư, chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ và xây dựng chuỗi cung ứng bền vững.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, hai bên sẽ tiếp tục ưu tiên thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến, chế tạo, bán dẫn, điện tử, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng xanh, kinh tế tuần hoàn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tái cơ cấu mạnh mẽ, Việt Nam và Nhật Bản có nhiều cơ hội để nâng tầm quan hệ hợp tác theo hướng thực chất, hiệu quả và bền vững hơn. Với sự đồng hành của Chính phủ hai nước, sự chủ động của cộng đồng doanh nghiệp cùng việc tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và RCEP, mục tiêu đưa kim ngạch thương mại song phương đạt 60 tỷ USD vào năm 2030 hoàn toàn có cơ sở để hiện thực hóa. Việc đạt được mục tiêu này không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư, mà còn tạo động lực để quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản bước sang giai đoạn phát triển mới với chất lượng, chiều sâu và tính bền vững ngày càng cao.

Đánh giá triển vọng

Triển vọng phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản trong thời gian tới được đánh giá rất tích cực nhờ nền tảng hợp tác song phương ngày càng bền vững, tính bổ trợ cao giữa hai nền kinh tế và sự hỗ trợ của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm sản xuất và mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực, trong khi Nhật Bản là quốc gia có thế mạnh về công nghệ, vốn đầu tư, quản trị doanh nghiệp và các ngành công nghiệp chế tạo hiện đại. Sự kết hợp giữa lợi thế về nguồn lực sản xuất của Việt Nam với năng lực công nghệ và tài chính của Nhật Bản sẽ tạo động lực mạnh mẽ để mở rộng quy mô thương mại, đầu tư và hợp tác sản xuất trong những năm tới. Bên cạnh đó, xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu cũng mở ra nhiều cơ hội để doanh nghiệp hai nước tăng cường liên kết, mở rộng thị trường và nâng cao khả năng chống chịu trước những biến động của kinh tế thế giới.

Trong lĩnh vực thương mại, cơ cấu hàng hóa giữa hai nước mang tính bổ sung lẫn nhau, với Việt Nam có lợi thế về nông sản, thủy sản, dệt may, đồ gỗ, điện tử và các sản phẩm công nghiệp chế biến, trong khi Nhật Bản là nguồn cung quan trọng về máy móc, thiết bị, linh kiện, nguyên vật liệu và công nghệ phục vụ sản xuất. Đồng thời, việc tận dụng hiệu quả các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do sẽ tiếp tục góp phần cắt giảm rào cản thương mại, tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường của cả hai nước.

Trong dài hạn, triển vọng hợp tác thương mại Việt Nam - Nhật Bản không chỉ dừng lại ở việc gia tăng quy mô kim ngạch mà còn hướng tới nâng cao chất lượng hợp tác, phát triển theo hướng xanh, số hóa và bền vững. Hai nước được kỳ vọng sẽ đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như bán dẫn, điện tử, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, năng lượng sạch, kinh tế tuần hoàn, logistics và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Với quyết tâm của Chính phủ hai nước cùng sự chủ động của cộng đồng doanh nghiệp, quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, đồng thời củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện ngày càng thực chất, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới.